TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2025/DS-ST
Ngày 29 – 8 -2025
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Trọng Tâm

Bà Đoàn Thị Bẩy

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau.

Trong các ngày 20 và ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2025/TLST–DS ngày 15 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn T; địa chỉ: Số 27, ấp T, (nay thuộc Khóm T) Phường L, tỉnh C.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1963 là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trung: Ông Phạm Văn T và bà N ; địa chỉ: Đường Tôn Đức Thắng, Khóm 20, phường T , tỉnh C (Văn bản ủy quyền ngày 10/7/2025) (bà N vắng mặt, ông T có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông Lâm P , sinh năm 1965.

2. Bà Lê Thị C , sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Nhà không số, ấp Cái Su, phường H , tỉnh C. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 3 năm 2025 trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Văn T và bà Kiều N trình bày: Vào ngày 15/9/2021, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T (Công ty T), có thuê ông Lâm P và bà Lê Thị C làm Thuyền trưởng chạy sà lan chở cát đá cho Công ty T nhưng không có hợp đồng, giá thuê 30 triệu đồng/tháng và lo ăn uống. Ngoài ra, Công ty T còn cho tiền bồi dưỡng ông P số tiền 500.000 đồng mỗi chuyến đi. Lịch trình tuyến đường chạy từ Cà Mau đến huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp và ngược lại.

Khoảng 18 giờ 45 phút, ngày 19/9/2021, Thuyền trưởng Lâm P điều khiển phương tiện sà lan, biển số kiểm soát CM 24039 của Công ty T , do ông Nguyễn Minh T làm Giám đốc. Sà lan lưu thông trên sông Xà No, hướng từ thành phố Cần Thơ đến thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, trên sà lan có chở 300 khối cát vàng. Khi đến đoạn ấp 1B, xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang sà lan đâm vào cầu Xà No làm thủng mạn phải vô nước làm chìm sà lan và làm bể cọc đài trụ T8 chân cầu đến lớp thép bảo vệ đài cọc, cát trên sà lan không thu hồi được. Vụ việc do ông P gây ra tai nạn bị thiệt hại tổng số tiền 433.695.000 đồng.

Vụ việc xảy đã được Công an huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, lập biên bản và giải quyết. Qua kết quả giải quyết của Công an huyện Châu Thành A và thỏa thuận giữa Công ty T và ông Lâm P , ông P hứa trả cho Công ty T số tiền 120.000.000 đồng, phần còn lại để giải quyết sau nhưng ông Phước trả cho Công ty T số tiền 25.000.000 đồng. Từ đó đến nay ông P không có thiện chí trả số tiền còn lại cho Công ty T , vụ việc xảy ra làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty T .

Nay, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lâm P và bà Lê Thị C phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ chi phí trục vớt, sửa chữa sà lan cho Công ty T số tiền còn lại 408.695.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn bị đơn ông Lâm P và bà Lê Thị C trình bày: Vào ngày 14/10/2021, ông làm thuê cho Công ty T lái sà lan biển kiểm soát CM 24039, trước khi nhận sà lan ông có kiểm tra có một số giấy tờ trong đó có giấy chứng nhận bảo hiểm tàu thuyền còn hiệu lực hoạt động. Theo lịch trình ông vận hành sà lan đến Vĩnh Sương, tỉnh Đồng Tháp chở cát về Cà Mau.

Khoảng 18 giờ 45 phút, ngày 19/9/2021, khi sà lan lưu thông đến cầu Một Ngàn kênh Xáng Xà No tỉnh Hậu Giang có một vỏ chạy ngược chiều đâm vào sà làn ông tránh vỏ nên sà lan va quẹt vào cầu bị chìm.

Khi trục vớt sà lan đưa về Long Xuyên sửa chữa 01 tháng, ông tiếp tục đi chở cát về Cà Mau. Sau đó Công an tỉnh Hậu Giang mời giải quyết. Công an báo Công ty bảo hiểm không bồi thường số tiền 360.000.000 đồng. Khi đó Công an Hậu Giang động viên ông chịu tiếp Công ty 1/3 số tiền sửa chữa bằng 120.000.000 đồng nên ông đồng ý ký vào biên bản đồng ý hỗ trợ cho Công ty số tiền 120.000.000 đồng.

Khi đó Công ty có hứa hợp đồng tiếp với ông nên ông có hứa mỗi tháng trừ lương của ông 10.000.000 đồng để trả cho Công ty.

Khi về đến Cà Mau Công ty không thuê ông nữa, ông đi mượn được số tiền 20.000.000 đồng trả cho Công ty, còn thiếu lại Công ty số tiền 100.000.000 đồng.

Nay, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền 408.695.000 đồng. Ông P và bà C đồng ý trả cho Công ty T số tiền 100.000.000 đồng, phần còn lại ông bà không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T khởi kiện yêu cầu ông P với bà C bồi thường thiệt hại về tài sản. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo khoản 6 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T buộc ông P với bà C trả số tiền 408.695.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông P thừa nhận khi điều khiển phương tiện sà lan đã để xảy ra va quẹt với thành cầu dẫn đến sà lan bị chìm gây thiệt hại số tiền sửa chữa 433.000.000 đồng như Công ty xác định. Ngoài ra, theo Điều 600 của Bộ luật Dân sự quy đinh "*Cá nhân, pháp nhân phải bồi thường thiệt hại do người làm công, người học nghề gây ra trong khi thực hiện công việc được giao và có quyền yêu cầu người làm công, người học nghề có lỗi trong việc gây thiệt hại phải hoàn trả một khoản tiền theo quy định của pháp luật*". Tuy nhiên, khi ông P vào chạy tàu cho Công ty T, Công ty T cung cấp Giấy chứng nhận tàu thuyền được cấp ngày 28/7/2021 nên ông Phước biết rằng tàu mình chạy đã được mua bảo hiểm đúng theo Luật giao thông đường thủy nội địa. Đến ngày 19/9/2021 tàu xảy ra tai nạn, Công ty có yêu cầu Tổng công ty bảo hiểm bồi thường nhưng theo văn bản số 321/2021/MIC-GDBTHH ngày 29/9/2021 có văn bản trả lời nội dung "…*Về trách nhiệm bảo hiểm của MIC: Quý Công ty tham gia bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu thủy nội địa cho tàu T -24039 tại MIC Cà Mau theo hợp đồng bảo hiểm số 1483/21/HD-TT/067-KDBH02 và giấy chứng nhận bảo hiểm số 1140/21/HD-TT.2/067-KDBH02 ngày 28/07/2021. Tại hợp đồng bảo hiểm số 1483/21/HD-TT/067-KDBH02 qui định như sau: "Điều 5. Số tiền bảo hiểm (mức trách nhiệm), phí bảo hiêm. 5.4. Thanh toán phí bảo hiểm, thời hạn thanh toán: Không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm. 3.7. Trong mọi trường hợp bên mua bảo hiểm không thanh toán phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định nêu trên, Hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực bảo hiểm vào ngày kế tiếp ngày cuối cùng phải nộp của kỳ phí đến hạn thanh toán". Tại Giấy chứng nhận bảo hiểm số 1140/21/HD-TT.2/067-KDBH02 qui định: Thời hạn và phương thức thanh toán phí: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản tối đa 30 ngày kể từ ngày 30/07/2021. Căn cứ vào xác minh tình trạng thanh toán phí bảo hiểm của Quý Công ty tại MIC Cà Mau ghi nhận Quý Công ty đã đóng phí bảo hiểm cho tàu T CM-24039 theo Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm nêu trên vào ngày 20/09/2021.*

Quý Công ty đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán phí qui định thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày 30/07/2021 tức là muộn nhất ngày 29/08/2021. Như vậy, tính đến ngày 29/08/2021 Quý Công ty đã không thanh toán phí bảo hiểm đúng hạn, hợp đồng/giấy chứng nhận bảo hiểm nêu trên đã chấm dứt hiệu lực từ ngày 30/08/2021. Do đó, MIC rất tiếc phải thông báo tới Quý Công ty tổn thất va chạm tàu Trung Hoa CM-24039 với trụ cầu gây ra tổn thất chìm tàu vào ngày 19/09/2021 không thuộc trách nhiệm bồi thường của MIC theo qui định do thời điểm tổn thất ngày 19/09/2021 xảy ra tại thời diểm chấm dứt hiệu lực bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm số 1483/21/HD-TT/067-KDBH02 và giấy chứng nhận bảo hiểm số 1140/21/HD-TT.2/067-KDBH02 ngày 28/07/2021…". Mặt khác, theo Điều 13 của Bộ luật Lao động quy định: "*Hợp đồng lao động là sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động… quyền của mỗi bên trong quan hệ lao động*". Theo quy định trên, khi Công ty Trung Hoa ký hợp đồng với người lao động Công ty không có quy định người lao động khi gây thiệt hại phải bồi thường cho Công ty. Hơn nữa, theo khoản 6 Điều 404 quy định: "*Trường hợp bên soạn thảo đưa vào hợp đồng nội dung bất lợi cho bên kia thì khi giải thích hợp đồng phải theo hướng có lợi cho bên kia*". Từ các căn cứ trên, Công ty có lỗi trong quá trình thực hiện hợp đồng. Từ đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Công ty.

[3] Xét trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa ông P tự nguyện hỗ trợ cho Công ty số tiền 120.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của ông P không trái quy định pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện của ông Phước. Ông P đã trả cho Công ty số tiền 20.000.000 đồng nên ông P có nghĩa vụ trả tiếp cho Công ty số tiền còn lại 100.000.000 đồng.

[4] Xét Công ty T yêu cầu bà C liên đới cùng ông P trả tiền thiệt hại cho Công ty T . Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà C đồng ý cùng ông P trả tiền thiệt hại cho Công ty. Đây là sự tự nguyện của bà P không trái quy định pháp luật nên được ghi nhân.

Từ các căn cứ trên, Buộc ông P và bà C có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty T số tiền 100.000.000 đồng.

[5] Đối với yêu cầu của ông P và bà C yêu cầu trả tiền lương chưa thanh toán tiền công 41 ngày số tiền 41.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, Ông P , bà C trong quá trình giải quyết chưa có đơn yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Trường hợp ông bà có yêu cầu khởi kiện thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Theo quy định "*bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận*". Do đó, ông P và bà C phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 5.000.000 đồng. (100.000.000 đồng x 5%). Tuy nhiên, ông P có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 13 và khoản 1 Điều 14 pháp lệnh 326 miễn án phí cho ông P . Bà C phải chịu số tiền 2.500.000 đồng.

Công ty T phải chịu án phí số tiền 15.434.700 đồng (308.695.000 đồng x 5%)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 26, điểm đ, khoản 1 Điều 13 và khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Căn cứ vào Điều 600, điều 404 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn T .

1. Buộc ông Lâm P và bà Lê Thị C trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn T về việc yêu cầu ông Lâm P và bà Lê Thị C trả cho Công ty số tiền 308.695.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 15.434.700 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Công ty đã nộp 10.174.000 đồng theo biên lai số 0011633 ngày 11/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau; Công ty phải nộp tiếp 5.287.000 đồng (năm triệu hai trăm tám mươi bảy ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bà Lê Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 2.500.000 đồng (chư nộp).

Ông Lâm P là người cao tuổi nên miễn án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án khu vực 1 – Cà Mau.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Giang Nam